TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47*/2024/HN - ST*
Ngày: *25 - 3 - 2024*
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Bà Huỳnh Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 580/2023/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST - HN ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980 (có mặt)

Trú tại: Số 290/16 ấp HL, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Trú tại: Số 155/10 ấp HL, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2023 và tại phiên tòa – nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị T và anh Nguyễn Minh T kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn chị và anh T sống chung gia đình chị, thời gian đầu chung sống chị phát hiện anh T ăn chơi, cờ bạc, đá gà, không lo gì cho vợ con, vì con còn nhỏ nên chị từ từ khuyên anh T nhưng anh T không thay đổi. Đến năm 2016 anh T bỏ về nhà gia đình T, từ đó chị và anh T không sống chung cho đến nay, mạnh người nào người đó sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không còn tình nghĩa, không thể

hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huế H, sinh ngày 23/8/2005 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Minh T không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "ly hôn", do bị đơn hiện đang cư trú tại xã HN, huyện LH tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Minh T được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 482, quyển I/2002 do Ủy ban nhân dân xã HN, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 08/9/2005 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng, chị T và anh T không sống chung với nhau từ năm 2016, nên không có sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, mạnh ai nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T không có văn bản phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên không có khả năng hàn gắn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huế H, sinh ngày 23/8/2005 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000661 ngày 20/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Minh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú